TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ, TỈNH B T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2018/DS-ST
Ngày: 19- 9 -2018
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ, TỈNH B T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi T Khanh;

2. Bà Võ Thị Mai.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh B T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện B Đ, tỉnh B T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân* - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST – DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 và thụ lý bổ sung ngày 24 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 85/2018/QĐST – DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) A.**

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T D – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 266-268, N K K N, phường A, Quận B, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh B T Do ông Nguyễn H C – Giám đốc chi nhánh làm đại diện.

Ủy quyền cho: Ông Đặng Minh T, sinh năm: 1971 – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro. (Theo văn bản ủy quyền số 379/2018/UQ-CNBT ngày 18/9/2018).

Địa chỉ: 14C1, Đại lộ Đ, Phường P, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn:

1. Võ Thị T , sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1- G T, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T.

2. Huỳnh Q T, sinh năm 1970 (Đã mất)

Địa chỉ: Ấp G T, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T là các con của ông T gồm:

1. Huỳnh Thị M H, sinh ngày 19/9/2010
2. Huỳnh Thị H M, sinh ngày 18/9/2014
3. Huỳnh Thị M M, sinh ngày 21/12/2015
4. Huỳnh Thị M D, sinh ngày 15/01/2017

Người đại diện hợp pháp của M H, H M, M M, M D là bà Võ Thị T , sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp G T, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T là vợ của ông Huỳnh Q T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Huỳnh Thị T, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Ấp G T, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Đặng Minh Thiện trình bày:*

Vào ngày 02 tháng 8 năm 2016 bà Võ Thị T và ông Huỳnh Q T có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) A – Chi nhánh B T theo hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1621500158, số tiền vay là 65.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng khác; Lãi suất: 0.75%/tháng; thời gian vay: 60 tháng; Ngày đáo hạn: 02/8/2021; phương thức trả: Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ;

Tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay là quyền sử dụng đất Tộc thửa số 4, tờ bản đồ số 6 diện tích 172m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T được Ủy ban nhân dân huyện B Đ cấp ngày 09/01/2009 do ông Huỳnh Q T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số LD16215000158 ngày 02/8/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Huỳnh Q T và bà Võ Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết.

Hiện tài ông Huỳnh Q T đã mất, phần tài sản của ông T do vợ con của ông T thừa kế.

Nên nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu:

1. Buộc bà Võ Thị T và các con là Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M, Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh B T toàn bộ số tiền nợ gốc và các khoản lãi phát sinh tính đến ngày 18/9/2018 là 58.921.000 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Trong đó vốn gốc là 50.921.000 đồng; lãi trong hạn 6.738.000 đồng; lãi quá hạn 402.000 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của hợp đồng tín dụng trên từ ngày 19/9/2018 cho đến khi bà Võ Thị T và các đồng thừa kế là con bà T của ông T trả hết nợ.

2. Trường hợp và Võ Thị T không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1621500158 ký ngày 02/8/2016 mà bên vay là bà Võ Thị T và ông Huỳnh Q T đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A – chi nhánh B T.

** Trong các lần mời hoà giải, làm việc cũng như tại phiên toà bị đơn bà Võ Thị T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng là xác định đúng quan hệ tranh chấp và Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về T thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa. Riêng bà Võ Thị T vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải, cũng như xét xử là không chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về tố tụng như gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và tống đạt cho đương sự là vi phạm thời hạn theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu là vi phạm Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 318, 319, 320, 322, 323, 637 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A:

Buộc bà Võ Thị T và các con là Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M, Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh B T số tiền nợ tính đến ngày 18/9/2018với số tiền là 58.061.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng). Trong đó vốn gốc 50.921.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.738.000 đồng, lãi quá hạn là 402.000 đồng.

Bà Võ Thị T và các con còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 19/9/2018 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh B T theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết số LD1621500158 ngày 02/8/2016 cho đến khi thi hành xong.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Võ Thị T và các con Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M, Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh B T, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1621500158 ký ngày 02/8/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1] Qua biên bản xác minh vào ngày 22/3/2018 tại Công an xã P L thì xác định bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương là ấp G T, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T nhưng hiện không thường xuyên sinh sống tại địa phương, thường đi đi về về, và khi vắng mặt tại địa phương bà T không có thông báo cho Công an xã biết và cũng không thông báo địa chỉ mới.

[2] Trong hợp đồng tín dụng được lập giữa hai bên đã thể hiện đầy đủ địa chỉ của bên vay là ấp Giồng Kiến, xã P L nhưng sau đó bà T bỏ địa phương đi mà không không báo cho Ngân hàng, cũng như nơi bà T đăng ký hộ khẩu thường trú xem như là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng tại nơi ghi trong hợp đồng để xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Ông Huỳnh Q T hiện nay đã mất vào ngày 16/12/2017. Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P L xác nhận ông T và bà T có đăng ký kết hôn và có 04 người con chung là Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M, Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D Toà án đưa những người con của ông T kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là phù hợp với Khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do các cháu M H, H M, M M, M D đều chưa thành niên nên Toà án xác định bà Võ Thị T là mẹ của các cháu là đại diện hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Vào ngày 02 tháng 8 năm 2016 Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh B T – và ông Huỳnh Q T và bà Võ Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng lãi chia đều số LD1621500158, số tiền vay là 65.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng khác; Lãi suất: 0.75%/tháng; thời gian vay: 60 tháng; Ngày đáo hạn: 02/8/2021; phương thức trả: Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ; Quá trình thực hiện hợp đồng ông Huỳnh Q T và bà Võ Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ ông T trả nợ; Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng tín dụng thì ông Huỳnh Q T và bà Võ Thị T có vay của Ngân hàng TMCP A chi nhánh B T số tiền vay 65.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng khác; Lãi suất: 0.75%/tháng; thời gian vay: 60 tháng; Ngày đáo hạn: 02/8/2021; phương thức trả: Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ;

Hợp đồng vay có chữ ký của ông Huỳnh Q T và bà Võ Thị T . Sau khi ông T, bà T vi phạm hợp đồng Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T thanh toán số nợ còn lại, nhưng ông T, bà T vẫn không thực hiện.

Hiện nay ông Huỳnh Q T đã mất. Trong đó vợ ông là bà Võ Thị T trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay đều vắng mặt và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình coi như mặc nhiên thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B T số tiền vay tính đến ngày 18/9/2018 là 58.061.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) Trong đó vốn gốc là 50.921.000 đồng và tiền lãi là 7.140.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán đầy đủ tiền nợ vốn và tiền lãi suất là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày đến hạn trả nợ cho đến nay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do ông Huỳnh Q T hiện nay đã mất nên Ngân hàng yêu cầu bà T cùng 04 người con của ông T là Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M, Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho Ngân Hàng. Hội đồng xét xử xét thấy. Khi ký hợp đồng vay tài sản thì phía ông T, bà T có ký một hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất Tộc thửa số 4, tờ bản đồ số 6 diện tích 172m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HM 00090 được Ủy ban nhân dân huyện B Đ cấp ngày 09/01/2009 do ông Huỳnh Q T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số TD3365/HĐTC ngày 19/11/2012.

Hiện tài sản nêu trên sau khi ông T mất thì ông T vẫn còn đứng tên, tài sản chưa được chia cho những người thừa kế hợp pháp. Qua biên bản xác minh ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại Uỷ ban nhân dân xã P L thì xác định ông T có vợ là bà Võ Thị T , quá trình chung sống có 04 người con là Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M,

Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D. Vợ và các người con của ông T là những người thừa kế tài sản mà ông T để lại trong đó có tài sản thế chấp, do đó 04 con chung của bà T , ông T phải có trách nhiệm cùng bà T trả số tiền vay còn nợ lại cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 637 Bộ luật dân sự 2005.

[3] Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 19/9/2018 đến khi bà T và các con trả hết nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại hợp đồng tín dụng số LD1621500158 ngày 02/8/2016. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 306 Luật Thương mại thì việc yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất của Ngân hàng là có căn cứ, nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1621500158 ngày 02/8/2016 gồm quyền sử dụng đất Tộc thửa số 4, tờ bản đồ số 6 diện tích 172m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã P L, huyện B Đ, tỉnh B T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HM 00090 được Ủy ban nhân dân huyện B Đ cấp ngày 09/01/2009 do ông Huỳnh Q T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bên thế chấp ông Huỳnh Q T, bà Võ Thị T , bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP A– Chi nhánh B T là phần đất có diện tích 172m^2 Tộc thửa 4, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Giồng Tre, xã P L được Ủy ban nhân dân huyện B Đ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số HM00090 cấp ngày 09/01/2009 cho ông Huỳnh Q T.

Hiện tại trên phần đất thế chấp hiện trạng đất không có gì thay đổi so với hiện trạng ban đầu, có phát sinh thêm 02 ngôi mộ và hiện tại ngôi nhà của ông T thế chấp do bà Huỳnh Thị T là chị của ông T đang ở.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 thì các tài sản thế chấp này hiện vẫn do bà Huỳnh Thị T đang trực tiếp quản lý bà T đồng ý giao các tài sản mà mà ông T, bà T đã thế chấp là ngôi nhà bà đang ở cho Ngân hàng phát mãi.

Qua xem xét, thì hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nêu trên đều được thực hiện đúng trình tự thủ tục, và hợp đồng đều được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng cũng như hoàn thành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất B Đ.

Vì vậy, hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Do vậy, khi bà Võ Thị T , và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh B T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm T hồi các khoản nợ nêu trên. Điều này phù hợp với thỏa Tận trong hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên bà Võ Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 58.061.000 đồng x5% = 2.903.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 318, 319, 320, 322, 323, 637 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 74, 91, 147, 192, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bà Võ Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Q T.

[2] Buộc bà Võ Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Q T là Huỳnh Thị M H, Huỳnh Thị H M, Huỳnh Thị M M, Huỳnh Thị M D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A- Chi nhánh B T số tiền vay tính đến ngày 18/9/2018 là 58.061.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng). Trong đó vốn gốc là 50.921.000 đồng (Năm mươi triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng) và tiền lãi trong hạn 6.738.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng); lãi quá hạn 402.000 đồng (Bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

[3] Bà Võ Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T còn phải trả lãi suất phát sinh trên số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LD1621500158 ngày 02 tháng 8 năm 2016 kể từ ngày 19/9/2018 cho đến khi trả hoàn tất nợ cho Ngân hàng.

[4] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Võ Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh B T, thì Bà T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh B T theo hợp đồng thế chấp số LD1621500158 ngày 02/8/2016 để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để T hồi nợ.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Võ Thị T phải chịu: 2.903.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng).

Hoàn trả 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A theo biên lai T số 0006414 ngày 30 tháng 01 năm 2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa cũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng GĐKT);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu

Hoàn trả 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A theo biên lai T số 0006414 ngày 30 tháng 01 năm 2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bà Võ Thị T , bà T và những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vắng mặt tại phiên Tòa cũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi T Khanh **Võ Thị Mai** **Nguyễn Thị Lựu**